

BỘ TÀI CHÍNH**BỘ TÀI CHÍNH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 12/2015/TT-BTC

Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2015

THÔNG TƯ**Quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan;
cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự,
thủ tục công nhận và hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan***Căn cứ Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2014;**Căn cứ Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan;**Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;**Xét đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan,**Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan như sau:***Chương I**
QUY ĐỊNH CHUNG**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đại lý làm thủ tục hải quan.
2. Nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan.
3. Tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ đại lý làm thủ tục hải quan.
4. Người dự thi cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan.
5. Cán bộ, công chức hải quan và cơ quan hải quan các cấp.

Chương II

CẤP CHỨNG CHỈ NGHIỆP VỤ KHAI HẢI QUAN

Điều 3. Thi cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan

1. Hồ sơ dự thi

a) Hồ sơ đăng ký dự thi lần đầu để lấy Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan, người dự thi nộp một (01) bộ hồ sơ, bao gồm:

- a.1) Phiếu đăng ký dự thi theo mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư này;
- a.2) Bằng tốt nghiệp theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 20 Luật Hải quan: 01 bản sao có chứng thực;
- a.3) Giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu: 01 bản sao có chứng thực;
- a.4) 02 ảnh 3x4 có ghi rõ họ, tên, năm sinh ở mặt sau của ảnh (01 ảnh dán vào phiếu đăng ký dự thi, 01 ảnh dán vào chứng chỉ khi được cấp).

b) Hồ sơ đăng ký dự thi lại các môn thi chưa đạt hoặc đăng ký thi các môn chưa thi, người dự thi nộp một (01) bộ hồ sơ, bao gồm:

- b.1) Phiếu đăng ký dự thi theo mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư này;
- b.3) 01 ảnh 3x4 có ghi rõ họ, tên, năm sinh ở mặt sau của ảnh để dán vào Phiếu đăng ký dự thi.

2. Đăng ký dự thi

Người dự thi đăng ký dự thi trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Hải quan để Tổng cục Hải quan làm căn cứ tổ chức thi.

3. Thời gian, địa điểm thi

a) Việc thi cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan được tổ chức ít nhất một năm một lần; có thể tổ chức thi theo khu vực, địa phương đảm bảo số lượng người đăng ký dự thi;

b) Thông tin về thời gian, địa điểm nộp hồ sơ; thời gian, địa điểm thi và các thông tin khác liên quan đến kỳ thi được Tổng cục Hải quan thông báo chính thức trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Hải quan, Cục Hải quan tỉnh, thành phố; báo Hải quan điện tử; niêm yết tại trụ sở Cục Hải quan tỉnh, thành phố và gửi qua hộp thư điện tử của người đăng ký dự thi trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Hải quan chậm nhất là 60 ngày trước ngày thi.

4. Nộp hồ sơ dự thi

a) Trong thời gian thông báo nêu tại khoản 3 Điều này, người dự thi phải nộp hồ sơ đăng ký dự thi tại Cục Hải quan tỉnh, thành phố nơi thuận tiện do người dự thi lựa chọn và phải nộp lệ phí theo quy định của pháp luật hiện hành tại nơi nộp hồ sơ đăng ký dự thi;

b) Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc nhận hồ sơ đăng ký dự thi, Cục Hải quan tỉnh, thành phố lập danh sách người dự thi đủ điều kiện dự thi kèm hồ sơ đăng ký dự thi và lệ phí dự thi gửi về Tổng cục Hải quan để tổng hợp và công bố danh sách người đủ điều kiện dự thi trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Hải quan để người dự thi biết.

5. Tổng cục Hải quan xây dựng quy chế thi, thành lập Hội đồng thi và tổ chức thi tại các Cục Hải quan tỉnh, thành phố hoặc theo cụm bao gồm một số Cục Hải quan tỉnh, thành phố để tạo thuận lợi cho người dự thi.

6. Các môn thi

a) Môn thứ nhất: Pháp luật về Hải quan.

Bao gồm các nội dung về Luật Hải quan, Luật Quản lý thuế, các Luật về thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và các Nghị định quy định chi tiết thi hành; Luật xử lý vi phạm hành chính và Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính trong lĩnh vực Hải quan.

b) Môn thứ hai: Kỹ thuật nghiệp vụ ngoại thương.

Bao gồm các nội dung về giao nhận vận tải, nghiệp vụ ngoại thương, thanh toán quốc tế.

c) Môn thứ ba: Kỹ thuật nghiệp vụ hải quan.

Bao gồm các nội dung về thủ tục hải quan, phân loại hàng hóa, trị giá hải quan, xuất xứ hàng hóa, sở hữu trí tuệ và chính sách quản lý hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

7. Trường hợp miễn thi

Người dự thi phải tham dự thi đủ các môn thi quy định tại khoản 6 Điều này, trừ các trường hợp sau đây được miễn thi một hoặc một số môn thi:

a) Người dự thi tốt nghiệp chuyên ngành hải quan thuộc các trường đại học, cao đẳng hoặc người đã làm giảng viên thuộc chuyên ngành hải quan tại các trường đại học, cao đẳng có thời gian công tác liên tục từ 05 năm trở lên, sau khi thôi làm giảng viên (không bao gồm trường hợp bị kỷ luật buộc thôi việc) mà đăng ký dự thi cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan trong thời hạn 03 năm kể từ ngày có quyết định chuyển công tác, nghỉ hưu hoặc nghỉ việc được miễn thi môn Pháp luật về hải quan và môn Kỹ thuật nghiệp vụ hải quan;

b) Người dự thi tốt nghiệp chuyên ngành kinh tế ngoại thương hoặc thương mại quốc tế thuộc các trường đại học, cao đẳng hoặc người đã làm giảng viên thuộc chuyên ngành kinh tế ngoại thương hoặc thương mại quốc tế tại các trường đại học, cao đẳng có thời gian công tác liên tục từ 05 năm trở lên, sau khi thôi làm giảng viên (không bao gồm trường hợp bị kỷ luật buộc thôi việc) mà đăng ký dự

thi cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan trong thời hạn 03 năm kể từ ngày có quyết định chuyển công tác, nghỉ hưu hoặc nghỉ việc được miễn thi môn Kỹ thuật nghiệp vụ ngoại thương.

8. Hình thức thi: Thi viết; trắc nghiệm; thực hành trên máy tính hoặc kết hợp giữa các hình thức thi trên. Căn cứ vào hình thức thi, Tổng cục Hải quan quy định thời gian làm bài thi, nhưng không quá 120 phút/môn thi.

9. Kết quả thi:

a) Môn thi đạt yêu cầu là môn thi đạt điểm từ 50 điểm trở lên chấm theo thang điểm 100 (trừ trường hợp có môn thi được miễn);

b) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ thi, Hội đồng thi thông báo công khai kết quả thi trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Hải quan, báo Hải quan điện tử và niêm yết tại trụ sở Cục Hải quan tỉnh, thành phố nơi tiếp nhận hồ sơ dự thi.

Trường hợp không đồng ý với kết quả thi do Hội đồng thi thông báo, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày công bố kết quả thi, người dự thi nộp đơn đề nghị phúc khảo môn thi. Ngày nhận đơn phúc khảo là ngày Hội đồng thi trực tiếp nhận đơn phúc khảo hoặc ngày đóng dấu đến của bưu điện. Sau thời gian quy định trên, đơn đề nghị phúc khảo sẽ không được giải quyết. Hội đồng thi tổ chức phúc khảo bài thi theo quy chế của Hội đồng và thông báo kết quả phúc khảo trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Hải quan, báo Hải quan điện tử và niêm yết tại trụ sở Cục Hải quan tỉnh, thành phố nơi tiếp nhận hồ sơ dự thi.

Trong thời hạn 10 ngày (đối với trường hợp người dự thi không có đơn phúc khảo) hoặc 30 ngày (đối với trường hợp người dự thi có đơn phúc khảo) kể từ ngày hết thời hạn nhận đơn phúc khảo, Hội đồng thi gửi Giấy chứng nhận điểm thi theo mẫu số 02 ban hành kèm Thông tư này cho người dự thi có môn thi không đạt yêu cầu theo quy định tại điểm a khoản này cho người dự thi theo địa chỉ đăng ký trên Phiếu dự thi. Trường hợp có 03 môn thi đạt yêu cầu, Hội đồng thi cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan theo quy định tại Điều 4 Thông tư này và không gửi Giấy chứng nhận điểm thi.

c) Bảo lưu kết quả thi:

Trường hợp trong các môn thi có môn không đạt yêu cầu theo quy định tại điểm a khoản này thì môn thi đạt yêu cầu được bảo lưu kết quả đến các kỳ thi cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan tiếp theo nhưng không quá 01 năm kể ngày ghi trên Giấy chứng nhận điểm thi.

Điều 4. Cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan

1. Trường hợp được cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan:

a) Người có 03 môn thi đạt yêu cầu theo quy định tại điểm a, điểm c khoản 9 Điều 3 Thông tư này được cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan.

b) Cán bộ, công chức làm việc trong ngành hải quan giữ ngạch kiểm tra viên chính, kiểm tra viên cao cấp, sau khi không làm việc (không bao gồm trường hợp bị kỷ luật buộc thôi việc) được cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan trong thời hạn 03 năm kể từ ngày có quyết định chuyển công tác, nghỉ hưu hoặc nghỉ việc.

2. Cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan:

a) Đối với các trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này: Trong thời hạn 10 ngày (đối với trường hợp người dự thi không có đơn phúc khảo) hoặc 30 ngày (đối với trường hợp người dự thi có đơn phúc khảo) kể từ ngày hết thời hạn nhận đơn phúc khảo, Hội đồng thi cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan theo mẫu số 03A ban hành kèm Thông tư này.

b) Đối với các trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này:

b.1) Trong thời hạn 03 năm kể từ ngày nghỉ hưu hoặc nghỉ việc hoặc chuyển công tác, cá nhân có nhu cầu cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan có văn bản đề nghị gửi Tổng cục Hải quan (trong đó nêu rõ thời gian, quá trình công tác; ngạch viên chức; số quyết định nghỉ hưu hoặc nghỉ việc hoặc chuyển công tác, nơi sinh hoạt hiện nay), gửi kèm: Giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu (01 bản sao có chứng thực) và 01 ảnh 3x4 có ghi rõ họ tên, ngày tháng năm sinh.

b.2) Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Tổng cục Hải quan kiểm tra thông tin về hồ sơ cán bộ lưu giữ tại Tổng cục Hải quan, đối chiếu với điều kiện quy định tại điểm b khoản 1 Điều này và các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 8 Thông tư này để xem xét việc cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan.

3. Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan sẽ được gửi cho người được cấp theo địa chỉ đăng ký trên Phiếu dự thi (đối với trường hợp nêu tại điểm a khoản 1 Điều này) hoặc trên văn bản đề nghị (đối với trường hợp nêu tại điểm b khoản 1 Điều này). Trường hợp nhận trực tiếp tại nơi cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan thì xuất trình giấy chứng minh nhân dân và ký nhận.

Chương III

ĐẠI LÝ LÀM THỦ TỤC HẢI QUAN

Điều 5. Đại lý làm thủ tục hải quan

1. Đại lý làm thủ tục hải quan là doanh nghiệp đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 20 Luật Hải quan, thay mặt người có hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu (sau đây gọi chung là chủ hàng) thực hiện việc khai hải quan; nộp, xuất trình bộ hồ sơ hải quan có liên quan đến lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu theo quy định và thực hiện toàn bộ hoặc một phần các công việc liên quan đến thủ tục hải quan theo thỏa thuận trong hợp đồng ký với chủ hàng, gồm:

a) Xuất trình hàng hóa để cơ quan hải quan kiểm tra theo quy định của pháp luật;